

Dòng tiền khá khỏe

Phiên giao dịch hôm nay nhận được nhiều sự ủng hộ về mặt tâm lý từ diễn biến tích cực của thị trường chứng khoán thế giới với S&P500; NASDAQ100 vượt đỉnh trở lại và thị trường chứng khoán khu vực cũng bật tăng mạnh mẽ. Các chỉ số và nhiều cổ phiếu mở cửa tăng tốt ngay từ đầu phiên và đà tăng được duy trì toàn phiên giao dịch với đà tăng hơi chùng xuống ở thời điểm cuối phiên. VNINDEX đóng cửa đạt 991 điểm tăng 4.87 điểm (+0.49%) và VN30 tăng tốt hơn đạt mức 966 điểm (+0.64%) với thanh khoản toàn thị trường tích cực duy trì ở mức hơn 5.400 tỷ đồng

Nhóm cổ phiếu ngân hàng tăng tốt và đồng thuận trong phiên hôm nay với nhiều cổ phiếu đóng cửa ở mức tăng như CTG, VCB, BID, MBB, VPB, SHB...trong đó CTG tăng mạnh nhất với mức tăng 4.2%. Nhóm cổ phiếu ngành chứng khoán cũng tăng giá trở lại với HCM, VCI, SSI, VND, SHS đều tăng giá. Các cổ phiếu nhóm ngành dầu khí tăng giảm trái chiều với PLX tăng tốt, GAS, BSR tăng nhẹ và PVD, PVS giảm nhẹ ở cuối phiên mặc dù tăng khá tốt ở thời điểm đầu phiên và trong phiên giao dịch. Cổ phiếu nhóm ngành sản xuất tăng điểm với HPG, DRC, HSG, CVT...tăng giá. Nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn biến động trái chiều với VNM, VHM, VRE, TCB điều chỉnh giảm trở lại gây cản trở tới đà tăng các chỉ số và chiều tăng được hỗ trợ bởi các cổ phiếu VCB, CTG, SAB, BID, GAS, HPG, PLX...

Khối nhà đầu tư ngoại giao dịch tích cực và khối này mua ròng nhẹ gần 80 tỷ trên sàn HOSE trong phiên hôm nay. Khối này mua ròng 3.8 triệu chứng chỉ quỹ ETF E1VFN30, các cổ phiếu VCB, VJC, PLX, HPG, GAS, HCM, SSI, BID, ..được mua ròng nhẹ và khối này cũng bán ròng VNM, GEX, VRE, DHG, VCI, DXG...Áp lực bán ròng quay trở lại đã khiến VNM diễn biến khá yếu và quay đầu giảm điểm trong phiên hôm nay cũng như áp lực cho phiên giao dịch tới bởi hiện VNM chưa thoát khỏi kênh giá giảm

Diễn biến thị trường vẫn tiếp tục tích cực và áp lực điều chỉnh phát ra ở cuối phiên giao dịch hôm trước bị xóa bỏ nhờ tâm lý tích cực từ diễn biến thị trường chứng khoán thế giới. Thị trường đã có vài thời điểm tỏ ra khá hưng phấn trong phiên nhưng áp lực bán vẫn khá mạnh đã kìm hãm những cái đầu nóng khiến cho các chỉ số và nhiều cổ phiếu chỉ duy trì đà tăng nhẹ. Với cách tăng giảm đan xen và dòng tiền được duy trì khá tốt như hiện tại các chỉ số đang có cơ hội quay lại kiểm định đường MA200 ngày cụ thể với VNIndex là 1016 điểm và VN30 nằm ở 1000 điểm. Chúng tôi lưu ý rằng đợt tăng hiện tại vẫn được coi là nhịp sóng hồi tiếp diễn do đó các phiên tăng nóng tạo cảm giác hưng phấn khi tiến về sát các ngưỡng kháng cự của các chỉ số quanh mức MA200 sẽ trở nên rủi ro cho các hoạt động mua đuổi trong ngắn hạn và chúng tôi thiên về hướng giữ vị thế hoặc canh chốt lời theo chiều tăng về kháng cự

Thống kê	HOSE	HNX
Đóng cửa	991.9	111.6
% Thay đổi	0.49	0.00
Khối lượng	189.5	52.9
Giá trị (tỷ đồng)	4,477.1	730.9
Số mã tăng	148	89
Số mã giảm	144	75
Không thay đổi	72	212

Hàng hóa & Tiền tệ	Giá đóng cửa	%chg
Gold(USD/Oz)	1,206	-0.02
WTI Oil (\$/B) 1Mth	68	-0.42
Brent Oil (\$/B) 1Mth	76	-0.33
USDVND	23,295	0.04
EURVND	26,998	-0.31



Nhóm ngành (VNIndex)	Tỷ trọng Index (%)	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x
Tiêu dùng thiết yếu	2.98	0.52%	19.71	4.51
Thực phẩm và đồ uống	18.10	0.27%	25.07	7.24
Năng lượng	3.22	0.88%	20.15	3.81
Tài chính	26.88	1.72%	17.21	2.61
Y tế	0.96	-1.10%	19.13	3.14
Công nghiệp	8.09	0.14%	16.93	4.21
Công nghệ thông tin	0.97	0.05%	8.97	2.19
Vật liệu và hóa chất	4.56	1.09%	10.24	1.82
Bất động sản	26.78	0.03%	56.66	4.73
Dịch vụ tiện ích	7.35	0.42%	16.10	3.97

Thị trường Khu vực	Giá đóng cửa	Thay đổi giá (%)	P/E x	P/B x	Vốn hóa Tỷ US\$
China	3,406.6	2.44%	12.71	1.67	3,837.2
India	11,695.5	1.20%	24.39	3.19	1,203.0
Indonesia	6,026.0	0.96%	20.23	2.30	462.0
Laos	877.0	-0.10%	6.75	0.36	1.1
Malaysia	1,811.6	0.17%	20.04	1.91	274.7
Philippines	7,766.5	-0.48%	19.95	2.14	182.0
Taiwan	10,902.2	0.86%	14.16	1.70	1,048.4
Thailand	1,714.4	0.62%	16.98	2.03	527.1
Vietnam	991.9	0.49%	17.90	2.78	135.3

Nguồn: Bloomberg

HOSE					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
CTG	27,200	1,100	4.2	9.44MLN	1.276
VCB	63,100	1,100	1.8	1.81MLN	1.233
SAB	219,000	6,000	2.8	67,490	1.199
BID	34,000	600	1.8	2.54MLN	0.639
BVH	90,900	2,800	3.2	121,260	0.612

HNX					
Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều tăng VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VGC	17,900	600	3.5	4.54MLN	0.124
SHB	8,500	100	1.2	10.85MLN	0.105
SHS	15,400	600	4.1	2.86MLN	0.055
DNP	14,400	700	5.1	30,840	0.028
L14	42,000	2,200	5.5	60,765	0.024

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
VNM	160,300	-1,900	-1.2	1.14MLN	-0.859
GAS	100,200	700	-1.3	451,380	-0.775
VRE	40,500	-200	-0.5	1.02MLN	-0.118
YEG	181,000	-13,600	-7.0	26,360	-0.116
TCB	26,500	-100	-0.4	1.48MLN	-0.109

Top ảnh hưởng nhất tới INDEX - chiều giảm VND					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	Khối lượng	Đóng góp vào Index
CEO	13,800	-500	-9.8	2.13MLN	-0.142
HHC	60,400	-6,700	-10.0	100	-0.062
NVB	8,100	-200	-2.4	1.93MLN	-0.058
VCS	88,500	-1,500	-1.7	358,108	-0.049
API	25,700	-2,800	-9.8	1,710	-0.036

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
MBB	23,900	400	1.7	11.33MLN	0.269
FLC	6,510	-50	-0.8	10.78MLN	-0.011
CTG	27,200	1,100	4.2	9.44MLN	1.276
HAG	6,800	-100	-1.5	8.32MLN	-0.029
HQC	1,830	-60	-3.2	7.41MLN	-0.009

Thanh khoản cao nhất					
CP	Giá đóng cửa	+/- (VND)	%thay đổi giá	GTGD (tỷ đồng)	Đóng góp vào Index
SHB	8,500	100	1.2	10.85MLN	0.000
PVS	20,600	-100	-0.5	6.30MLN	0.000
VGC	17,900	600	3.5	4.54MLN	0.000
KLF	2,400	0	0.0	3.91MLN	0.000
ACB	38,800	0	0.0	3.18MLN	0.000

Nguồn: Bloomberg 27/08/18

TIN VĨ MÔ

USD tự do về dưới 23.500 đồng - Sáng nay (27/8), tỷ giá trung tâm niêm yết 22.683 đồng, hạ 5 đồng so với cuối tuần trước. Trong biên độ cho phép, USD được giao dịch khoảng 22.003 - 23.363 đồng. Trên thị trường tự do, giá USD chiều mua hạ còn 23.480 đồng và chiều bán lên cao nhất trong khoảng 23.520 đồng. Tại Hà Nội, giao dịch mua - bán phổ biến ở mức 23.480 - 23.520 đồng và TP HCM là 23.500 - 23.520 đồng. Thị trường thế giới, chỉ số DXY đo sức mạnh đồng bạc xanh giảm 0,04% còn 95,1 điểm.

TIN DOANH NGHIỆP

POW - Doanh thu 7 tháng hoàn thành 66% kế hoạch năm - Trong tháng 7, Tổng công ty Điện lực Dầu khí (PV Power) ước đạt 2.416 tỷ đồng doanh thu, bằng 108% so với kế hoạch. Lũy kế từ đầu năm đến hết tháng 7 ước đạt 19.539 tỷ đồng, bằng 66% kế hoạch. Đóng góp lớn nhất vào tổng doanh thu của PV Power là các nhà máy điện Cà Mau 1 và 2 với 1.007,7 tỷ đồng, Vũng Áng 1 với 556,5 tỷ đồng, Nhơn Trạch 1 đạt 282,4 tỷ đồng, Nhơn Trạch 2 đạt 507 tỷ đồng. ACB đã thông báo về việc triển khai trả cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 15% vào cuối tháng 7/2018, thực hiện trong quý III/2018 để tăng vốn thêm 1.627 tỷ đồng.

DHG - Một quỹ ngoại vừa thoái 3 triệu cổ phiếu - Nhóm quỹ Templeton Frontier Markets Fund vừa thông báo bán ra tổng cộng hơn 3 triệu cổ phiếu Công ty cổ phần Dược Hậu Giang (HOSE: DHG) vào 21/8 không còn là cổ đông lớn. Sau giao dịch, tỷ lệ sở hữu của cả nhóm quỹ giảm từ 6,42% xuống 4,09% vốn.

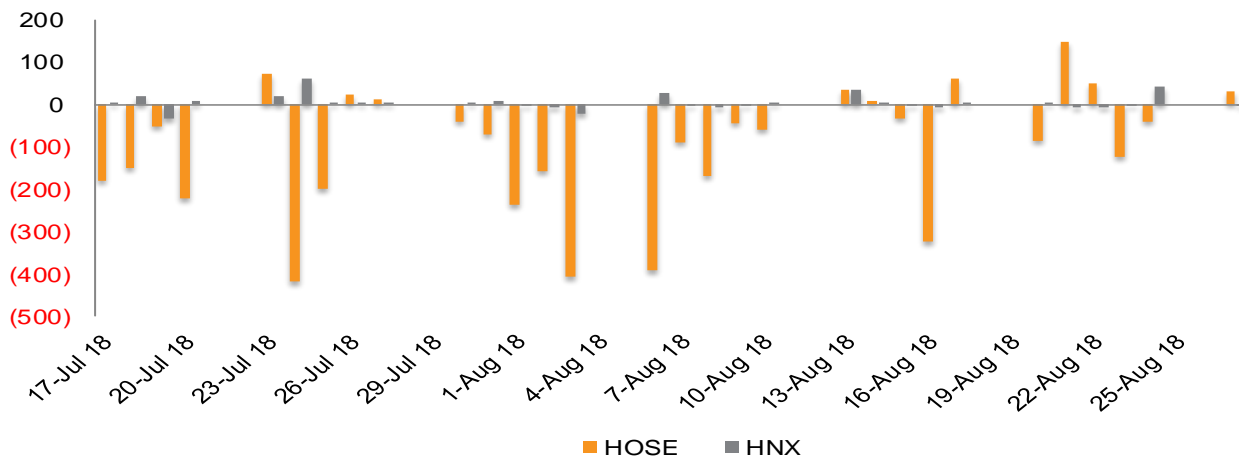
DBC - LN ròng 7 tháng hoàn thành 60% kế hoạch năm - Nhờ giá thịt lợn tăng cao, tháng 7, Công ty cổ phần Tập đoàn Dabaco (DBC) đạt doanh thu 817 tỷ đồng, với đóng góp chính từ mảng thức ăn chăn nuôi (chiếm 51,5% cơ cấu) theo sau là khối chăn nuôi lợn chiếm 23% và khối chăn nuôi gà cùng hoạt động khác. Lũy kế 7 tháng, Dabaco đạt 3.696 tỷ đồng doanh thu, tăng 17% so với cùng kỳ; lợi nhuận ròng ghi nhận 148 tỷ đồng, tương đương 60% kế hoạch 2018. Ông Nguyễn Như So, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhận định, trong vòng 17 - 18 tháng tới, giá thịt lợn hơi tiếp tục đạt mức giá tốt. Với diễn biến này, đến hết tháng 9, Công ty kỳ vọng hoàn thành kế hoạch cả năm với lợi nhuận ròng 246 tỷ đồng.

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

KLGD (triệu CP)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước		GTGD (Tỷ đồng)	so với phiên giao dịch trước		so với phiên giao dịch trước	
	HOSE		HNX			HOSE		HNX	
MUA	8.9	-32.9%	0.9	-72.2%	MUA	594.3	-18.7%	12.2	-75.4%
% of market	4.8%	0-Jan	1.6%	0-Jan	% of market	14.0%	0-Jan	1.7%	0-Jan
BÁN	10.9	-18.8%	1.2	113.8%	BÁN	561.7	-27.1%	15.9	146.1%
% of market	5.9%	0-Jan	2.2%	0-Jan	% of market	13.2%	0-Jan	2.2%	0-Jan
MUA (BÁN) RÒNG	(2.03)		(0.3)		MUA (BÁN) RÒNG	32.7		(3.7)	

Nguồn: HSX, HNX

Diễn biến giao dịch ròng khối ngoại (Tỷ đồng)



LŨY KẾ 2018

KLGD (triệu CP)	HOSE		HNX		GTGD (Tỷ đồng)	HOSE		HNX	
	% of 2017		% of 2017			% of 2017		% of 2017	
MUA	3,247.0	91.6%	333.1	83.1%	MUA	189,054.0	111.9%	6,195.9	74.4%
% of market	9.8%	0-Jan	3.7%	0-Jan	% of market	19.6%	0-Jan	3.7%	0-Jan
BÁN	3,014.0	92.5%	355.4	87.3%	BÁN	159,418.0	110.3%	6,914.3	80.3%
% of market	9.1%	0-Jan	3.9%	0-Jan	% of market	16.6%	0-Jan	4.1%	0-Jan
MUA (BÁN) RÒNG	233.0		(22.3)		MUA (BÁN) RÒNG	29,636		(718.4)	

Nguồn: HSX, HNX

GIAO DỊCH KHỎI NGOÀI

HOSE					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
VHM	13,800	0	0.00	127.8	0.000
VJC	20,600	1,200	0.79	78.4	0.203
VNM	38,200	-1,900	-1.17	57.4	-0.859
VIC	8,500	200	0.19	55.8	0.199
VCB	45,500	1,100	1.77	28.4	1.233

HNX					
Nước ngoài mua nhiều nhất (giá trị)					Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua	Đóng góp Index
CEO	13,800	-500	-3.50	6.0	0.000
PVS	20,600	-100	-0.48	2.2	0.000
DGL	38,200	100	0.26	0.9	0.000
SHB	8,500	100	1.19	0.9	0.000
NTP	45,500	500	1.11	0.5	0.000

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
VHM	15,400	0	0.00	146.4	0.000	
VNM	17,900	-1,900	-1.17	92.0	-0.859	
VJC	8,500	1,200	0.79	54.5	0.203	
VIC	20,600	200	0.19	50.1	0.199	
MSN	14,400	600	0.66	26.2	0.217	

Nước ngoài bán nhiều nhất (giá trị)						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán	Đóng góp Index	
SHS	15,400	600	4.05	9.3	0.000	
VGC	17,900	600	3.47	3.5	0.000	
SHB	8,500	100	1.19	0.9	0.000	
PVS	20,600	-100	-0.48	0.6	0.000	
DNP	14,400	700	5.11	0.3	0.000	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
VCB	13,800	1,100	1.77	26.8	1.233	
VJC	20,600	1,200	0.79	23.9	0.203	
PLX	38,200	800	1.18	19.8	0.323	
HPG	45,500	600	1.56	14.0	0.397	
BID	11,400	600	1.80	12.6	0.639	

Top mua ròng						Tỷ đồng
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị mua ròng	Đóng góp Index	
CEO	13,800	-500	-3.50	6.0	0.000	
PVS	20,600	-100	-0.48	1.6	0.000	
DGL	38,200	100	0.26	0.9	0.000	
NTP	45,500	500	1.11	0.5	0.000	
TNG	11,400	-200	-1.72	0.4	0.000	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
VNM	15,400	-1,900	-1.17	-34.6	-0.859	
VHM	17,900	0	0.00	-18.5	0.000	
GEX	14,400	-550	-1.80	-11.1	-0.058	
VRE	1,500	-200	-0.49	-10.8	-0.118	
DHG	43,800	-2,200	-2.29	-10.7	-0.090	

Top bán ròng						VND'bn
CP	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	Giá trị bán ròng	Đóng góp Index	
SHS	15,400	600	4.05	-9.35	0.000	
VGC	17,900	600	3.47	-3.47	0.000	
DNP	14,400	700	5.11	-0.32	0.000	
KVC	1,500	-100	-6.25	-0.15	0.000	
SRA	43,800	3,900	9.77	-0.13	0.000	

27/08/2018

Nguồn Bloomberg, HOSE, HNX

TOP 60 Cổ phiếu vốn hóa lớn nhất trên HOSE

CP	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá			Vốn hóa Tỷ đồng	SCP triệu CP	Freefloat %	% Room Khối ngoại	KLGDBQ 30 ngày	P/E x	P/B x	ROE %	ROA %
		1 tháng	3 tháng	6 tháng									
1 VIC	104,200	-2.1	17.8	34.8	332,567	3,192	57.6	21.4	1,531,474	83.0	7.4	10.8	1.7
2 VHM	111,500	5.3	-5.1	N/A	298,777	2,680	100.0	33.2	417,453	47.5	3.2	N/A	N/A
3 VNM	160,300	-5.0	-3.4	-19.9	232,628	1,451	46.2	40.9	835,820	26.4	8.9	34.9	28.8
4 VCB	63,100	11.7	26.2	-13.8	227,019	3,598	22.9	9.2	2,164,980	20.1	3.9	20.5	1.2
5 GAS	100,200	18.2	-4.8	-11.7	191,778	1,914	4.2	45.5	539,903	17.3	4.4	27.4	17.7
6 SAB	219,000	5.8	-6.4	-9.3	140,441	641	10.4	39.3	75,172	30.9	8.9	31.2	21.9
7 BID	34,000	37.1	22.7	-10.9	116,236	3,419	4.4	27.4	3,601,811	14.5	2.3	16.8	0.7
8 CTG	27,200	16.2	4.0	-15.3	101,277	3,723	15.8	0.0	5,977,808	13.0	1.5	12.2	0.7
9 MSN	91,200	12.2	9.2	-0.2	96,056	1,053	37.9	20.1	606,857	17.0	5.6	32.2	8.8
10 TCB	26,500	2.1	N/A	N/A	92,660	3,497	81.8	0.0	1,536,649	8.7	2.0	24.3	3.2
11 VJC	153,000	11.3	15.1	-8.7	82,867	542	53.2	5.4	723,823	16.2	7.8	67.1	19.7
12 HPG	38,950	4.4	4.7	-14.9	82,726	2,124	55.8	10.3	5,507,925	9.3	2.3	30.1	17.6
13 PLX	68,800	21.3	15.6	-21.7	79,726	1,159	6.3	9.1	767,905	21.2	4.3	18.3	6.0
14 VRE	40,500	3.3	-1.0	-26.2	76,994	1,901	100.0	17.4	1,326,111	51.2	3.0	5.7	5.6
15 BVH	90,900	23.0	5.7	5.5	63,711	701	31.2	24.2	140,634	50.1	4.2	8.5	1.3
16 VPB	25,300	-4.2	4.0	-26.4	61,303	2,423	75.8	0.0	5,109,925	9.5	2.2	26.9	2.5
17 NVL	65,100	6.7	25.2	1.3	59,075	907	31.1	40.4	655,035	25.7	4.2	18.7	4.7
18 MBB	23,900	3.9	0.9	-13.3	51,635	2,160	61.2	0.0	5,994,549	11.3	1.7	16.3	1.5
19 MVG	123,400	8.4	12.2	-2.1	39,841	323	85.7	0.0	602,276	14.6	5.3	43.9	13.7
20 HDB	36,000	7.8	2.1	-19.1	35,316	981	100.0	2.9	1,454,333	18.3	2.5	14.9	1.0
21 FPT	44,400	2.5	-9.2	-14.6	27,242	614	81.7	0.0	1,059,402	8.7	2.3	28.6	11.4
22 ROS	41,500	-2.4	-32.2	-65.5	23,555	568	27.0	46.7	873,535	28.4	4.1	14.7	8.4
23 STB	11,400	1.8	-2.1	-29.4	20,562	1,804	94.0	13.5	4,832,197	13.8	0.9	6.4	0.4
24 BHN	81,600	-2.9	-24.4	-44.6	18,915	232	0.9	31.4	1,149	29.4	5.0	17.3	6.7
25 TPB	26,700	0.4	-7.9	N/A	17,778	666	95.3	0.0	219,198	15.6	2.3	15.9	0.8
26 EIB	14,000	0.0	-4.8	-10.8	17,212	1,229	83.8	0.0	182,506	14.0	1.1	8.6	0.9
27 PNJ	103,000	10.2	-11.2	-7.4	16,700	162	64.1	0.0	487,276	20.2	3.4	34.4	20.0
28 SSI	30,850	10.6	4.6	-12.6	15,420	500	76.7	45.0	3,614,489	11.9	1.7	14.4	6.9
29 HNG	15,950	-2.4	97.2	152.8	14,145	887	44.7	56.2	3,688,288	N/A	1.3	-3.9	-1.3
30 CTD	161,800	10.1	32.6	-12.1	12,667	78	87.0	6.4	172,899	7.9	1.7	22.5	11.8
31 DHG	93,800	-6.0	-6.2	-11.2	12,264	131	31.9	53.7	204,771	23.2	4.2	18.4	14.1
32 GEX	29,950	4.5	12.3	12.7	12,176	407	73.6	37.7	2,894,066	11.9	2.2	22.3	6.9
33 KDH	30,350	-1.8	-9.7	-7.8	11,771	388	76.5	4.6	157,438	19.6	1.8	10.0	6.0
34 REE	36,400	7.1	12.0	-8.9	11,286	310	84.4	0.0	597,253	6.8	1.3	20.9	12.5
35 TCH	28,400	13.1	3.5	36.2	10,033	353	50.0	45.2	1,371,680	26.3	2.2	8.5	7.8
36 VCI	60,500	11.6	-10.8	-1.6	9,801	162	65.0	7.7	96,407	14.1	3.2	30.5	13.9
37 SBT	19,300	18.0	26.1	6.6	9,562	495	47.1	92.0	2,941,049	18.3	1.5	11.1	4.2
38 DXG	27,800	5.3	-1.1	-2.7	9,517	342	70.0	3.5	2,939,916	9.7	2.3	26.2	9.5
39 SCS	169,900	N/A	N/A	N/A	8,493	50	99.1	33.6	N/A	26.1	10.1	40.8	35.2
40 HCM	61,300	13.5	-1.6	-22.0	7,942	130	66.5	39.3	304,915	10.0	2.7	29.3	16.8
41 GMD	27,000	10.4	5.9	-26.0	7,783	288	59.6	0.0	602,392	4.3	1.3	30.1	18.3
42 NT2	26,400	-0.8	-2.6	-17.5	7,600	288	32.1	27.4	177,188	9.1	2.1	19.5	8.5
43 PAN	58,200	7.8	-2.8	-5.4	6,994	120	60.0	59.4	40,220	15.5	2.6	16.0	6.8
44 PDR	26,200	0.0	-12.7	-13.6	6,979	266	37.8	42.0	993,620	13.3	2.3	19.4	5.4
45 DPM	17,500	-1.7	2.3	-26.8	6,848	391	40.2	28.8	582,261	12.1	0.9	8.0	5.9
46 VPI	42,050	-0.1	N/A	N/A	6,728	160	100.0	38.8	191,984	9.8	3.6	38.8	13.1
47 VHC	72,700	4.9	39.0	41.2	6,710	92	38.5	60.4	144,483	8.4	2.1	27.2	15.0
48 CII	26,800	7.2	-9.5	-24.9	6,558	245	88.1	14.1	472,429	N/A	1.3	-0.3	-0.1
49 NLG	30,300	1.3	8.7	3.7	6,360	210	63.3	0.0	384,583	13.3	1.7	13.3	5.5
50 HAG	6,800	-4.1	43.2	6.3	6,306	927	63.8	40.4	12,487,390	N/A	0.5	-4.4	-1.2
51 KDC	29,900	-12.1	-13.1	-30.5	6,149	206	41.7	28.7	100,512	N/A	1.0	-1.0	-0.5
52 PPC	18,300	-2.9	0.0	-9.0	5,867	321	24.7	33.7	197,167	6.0	1.0	17.3	11.5
53 KBC	12,450	4.6	-0.8	-3.9	5,849	470	75.4	31.6	2,000,774	13.3	0.7	5.3	2.9
54 PVD	15,200	17.4	9.0	-30.9	5,819	383	49.4	29.7	3,046,160	N/A	0.4	-0.1	0.0
55 YEG	181,000	-16.8	N/A	N/A	5,662	31	100.0	0.0	7,198	73.2	14.1	29.0	11.6
56 DCM	10,300	-0.5	-3.7	-16.3	5,453	529	24.4	45.0	503,842	13.0	0.8	6.6	3.8
57 LGC	27,000	0.0	27.4	29.5	5,207	193	N/A	4.0	12	31.4	2.0	6.7	1.8
58 PME	68,300	-8.3	-4.8	-5.8	5,123	75	99.0	0.0	13,043	15.8	3.2	19.3	16.0
59 FRT	74,700	1.1	-20.2	N/A	5,080	68	92.4	1.7	12,093	18.1	6.4	42.9	6.8
60 HT1	13,200	11.9	4.8	-12.0	5,036	382	20.0	43.4	215,477	8.6	0.9	10.9	5.2

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. Sales&Trading VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được viết và phát hành bởi bộ phận Sales&Trading – Công ty Cổ Phần Chứng Khoán VNDIRECT. Báo cáo này không trực tiếp hoặc ngụ ý dùng để phân phối, phát hành hay sử dụng cho bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào là công dân hay thường trú hoặc tạm trú tại bất kỳ địa phương, lãnh thổ, quốc gia hoặc đơn vị có chủ quyền nào khác mà việc phân phối, phát hành hay sử dụng đó trái với quy định của pháp luật.

Báo cáo này được cung cấp trên cơ sở được đảm bảo tính bảo mật. Người sử dụng không được phép (i) sao chép hoặc lưu trữ dưới bất kỳ hình thức (ii) truyền tay hoặc phân phối, trực tiếp hoặc gián tiếp, từng phần hay toàn bộ báo cáo, cho bất kỳ ai mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng Khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào sự tư vấn độc lập và phù hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư cá biệt, VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

VNDIRECT SALES & TRADING

Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

Số 1 – Nguyễn Thượng Hiền – Hà Nội

Điện thoại: +84 439724568

Máy lẻ: 12560

Email : phong.sale.trading@vndirect.com.vn

Website: <http://vndirect.com.vn>